

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày 15-7-2025

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Tâm Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Võ Lâm Sơn;  
bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1143/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp thừa kế tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1961; nơi cư trú: số 275, tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1957; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hữu P3, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Bà Tôn Thị T3, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Ngọc Hoàng N, sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Ngọc Kiều N2, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Ngọc Vân N3, sinh năm 2004; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1957; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1964; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Ông Dương Gia T5, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Ông Hồ Phú Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Anh Hồ Đức P2, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ 17, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, khởi kiện bổ sung ngày 14/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quang H trình bày,*

Cha mẹ của ông H là cụ Nguyễn Quang Thâm, chết ngày 24/4/2012, cụ Nguyễn Thị Thuần, chết ngày 08/9/2017 có được 06 người con gồm: ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Quang S, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Hữu P3 và ông Nguyễn Văn P.

Đồng thời, hai cụ tạo lập một số tài sản gồm có: Quyền sử dụng diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm, tọa lạc xã C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận số 00650/dB ngày 14/5/2003 cấp cho cụ Thâm, cụ Thuần; Hiện tại trên đất có căn nhà phủ thờ do vợ chồng ông P và 03 đứa con gái đang ở, có nhà của ông T và vợ ông T đang ở và có nhà của ông P3 và 01 cái hầm; Quyền sử dụng diện tích 7.966m<sup>2</sup> đất lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận số 00874/gB ngày 25/02/1994 cấp cho cụ Thuần do ông P đang canh tác từ khi cụ Thâm, cụ Thuần còn sống.

Trước khi chết, cụ Thâm, cụ Thuần không lập di chúc. Do chỗ di sản thừa kế của cha mẹ để lại, ông P muốn chiếm giữ làm của riêng và không chịu phân chia cho các anh chị em. Bên cạnh đó, nội bộ anh em có tổ chức họp gia đình, phân chia tài sản cha mẹ nhưng không đạt kết quả.

Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án chia cho ông H hưởng giá trị thừa kế theo pháp luật phần tài sản của cụ Thâm, cụ Thuần quyền sử dụng diện tích 1.542,3m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm và diện tích 7.966m<sup>2</sup> đất lúa. Đồng thời, ông H yêu cầu mở phần lối đi chung trên phần đất diện tích 1.542,3m<sup>2</sup> theo chiều ngang khoảng 1,5m thẳng từ ranh đất của ông H đến cuối đất.

Kết quả đo đạc thực tế hiện trạng các tài sản tranh chấp có diện tích cụ thể như sau: Phần đất ở, cây lâu năm có diện tích 1.557,4m<sup>2</sup>; Phần đất lúa có diện tích 8.226,8m<sup>2</sup> (dư diện tích 260,8m<sup>2</sup> so với đơn khởi kiện). Đến ngày 14/3/2025, ông H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia diện tích 260,8m<sup>2</sup> trong tổng diện tích đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa; xác định lại phạm vi khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với phần đất có nhà mồ diện tích 11,4m<sup>2</sup> (02 ngôi mộ của cụ Thâm, cụ Thuần), rút lại phần yêu cầu giải quyết diện tích 3,7m<sup>2</sup> trên đất có căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim L cất khoảng 18 năm nay.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày,*

Ông P thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Thâm, cụ Thuần chết và tạo lập các tài sản bao gồm: Đất thổ cư và lâu năm khác và đất lúa; cụ Thâm cụ Thuần chết không có lập di chúc như ý kiến của ông H trình bày.

Vì vậy, ông P thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, ông P có ý kiến muốn nhận hiện vật là phần đất có căn nhà phủ thờ của cụ Thâm, cụ Thuần và phần đất trồng lúa.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày,*

Bà T2 thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Thâm, cụ Thuần chết và tạo lập các tài sản bao gồm: Đất thổ cư và lâu năm khác và đất lúa; cụ Thâm cụ Thuần chết không có lập di chúc như ý kiến của ông H trình bày.

Năm 2001, khi cụ Thâm, cụ Thuần còn sống đều nói miệng cho Bà T2 03 công trong phần đất trồng lúa diện tích 8.226,8m<sup>2</sup>, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang. Sau khi cha mẹ chết, nội bộ anh em họp bàn, đều thống nhất tách cho Bà T2 03 công đất trên, khi đó có mặt ông H có nói để ông H về nhà ký rồi photo trả lại cho ông P lưu giữ. Tuy nhiên, ông H không ký tên, cũng không giao trả lại bản chính giấy họp bàn gia đình.

Vì vậy, Bà T2 thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, Bà T2 yêu cầu chia cho Bà T2 được hưởng quyền sử dụng đo đạc diện tích thực tế 2.707,4m<sup>2</sup> đất trồng lúa.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang S trình bày,*

Ông S thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Thâm, cụ Thuần chết và tạo lập các tài sản bao gồm: Đất thổ cư và lâu năm khác và đất lúa; cụ Thâm cụ Thuần chết không có lập di chúc như ý kiến của ông H trình bày.

Vì vậy, Ông S thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, Ông S yêu cầu nhận hiện vật là phần đất ở để làm nhà vì từ trước tới nay, Ông S chưa có nền đất nào cũng không có nhà ở khác và yêu cầu được hưởng giá trị phần đất lúa.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T trình bày,*

Ông T thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Thâm, cụ Thuần chết và tạo lập các tài sản bao gồm: Đất thổ cư và lâu năm khác và đất lúa; cụ Thâm cụ Thuần chết không có lập di chúc như ý kiến của ông H trình bày.

Vì vậy, ông T thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, ông T yêu cầu nhận hiện vật, ổn định phần đất ở có căn nhà của ông T trên đất và yêu cầu được hưởng giá trị phần đất lúa.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P3 trình bày,*

Ông P3 thống nhất về hàng thừa kế, thời điểm cụ Thâm, cụ Thuần chết và tạo lập các tài sản bao gồm: Đất thổ cư và lâu năm khác và đất lúa; cụ Thâm cụ Thuần chết không có lập di chúc như ý kiến của ông H trình bày.

Vì vậy, ông P3 thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, ông P3 yêu cầu nhận hiện vật, ổn định phần đất ở có căn nhà của ông P3 trên đất, phần đất ao do ông P3 đang nuôi cá và yêu cầu được hưởng giá trị phần đất lúa.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày,*

Giữa bà L và ông H là anh em chú bác ruột. Năm 2000, bà L cùng chồng là ông Dương Gia T5 cất nhà trên phần đất hương hỏa của ông bà nội để lại, đã phân chia đất cụ thể cho cha của bà L và cha ông H. Trước khi xây cất nhà có một phần nằm trên đất cụ Thâm thì vợ chồng bà L có đứng ra hỏi và được sự cho phép của cụ Thâm. Theo kết quả đo đạc, bà L thừa nhận có xây dựng căn nhà trên diện tích 3,7m<sup>2</sup> tại phần đất ở của cụ Thâm.

Trường hợp, ông H có tranh chấp thừa kế có liên quan phần diện tích 3,7m<sup>2</sup> đất có căn nhà của vợ chồng bà L thì chấp nhận bồi hoàn giá trị đất cho các con của cụ Thâm, tự thỏa thuận và tùy Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của ông H tại phiên tòa:* ông H rút lại phần khởi kiện chia theo pháp luật di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm, tọa lạc xã Chợ Mới (xã thị trấn Chợ Mới cũ), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận số 00650/ĐB ngày 14/5/2003 cấp cho cụ Thâm, cụ Thuần, tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H giữ nguyên yêu cầu chia theo pháp luật di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 7.966m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup>) đất đất lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận số 00874/gB ngày

25/02/1994 cấp cho cụ Thuần, thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá và yêu cầu nhận giá trị quyền sử dụng đất. Ông H không thống nhất theo ý kiến của Bà T2 về việc cụ Thâm, cụ Thuần chia cho Bà T2 03 công đất trồng lúa.

*Ý kiến của ông P tại phiên tòa:* ông P chấp nhận chia theo pháp luật di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 7.966m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup>) đất đất lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang, thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá. Phần đất trồng lúa do ông P trực tiếp sản xuất sau khi cụ Thuần chết. Khi cụ Thuần còn sống, có nói chia cho Bà T2 03 công đất trồng lúa và Bà T2 đã cho ông P thuê lại. Ngoài ra, ông P không có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của Bà T2 tại phiên tòa:* khi cụ Thuần còn sống, có nói miệng chia cho Bà T2 03 công đất trồng lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang. Hiện tại Bà T2 chưa đứng tên quyền sử dụng. Yêu cầu Tòa án chia cho Bà T2 nhận hưởng phần đất có diện tích đo đạc thực tế 2.707m<sup>2</sup> di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần. Phần diện tích đất trồng lúa còn lại, Bà T2 chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật, thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của ông T tại phiên tòa:* thống nhất chia theo pháp luật di sản thừa kế, yêu cầu nhận giá trị đất trồng lúa như yêu cầu của ông H. Ông T không chấp nhận lời khai của Bà T2 về yêu cầu chia cho Bà T2 03 công đất lúa. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của Ông S tại phiên tòa:* thống nhất chia theo pháp luật di sản thừa kế, yêu cầu nhận giá trị đất trồng lúa như yêu cầu của ông H. Ông S chỉ nghe nói lại mà thực tế không biết việc cụ Thuần có chia cho Bà T2 03 công đất trồng lúa hay không nên không chấp nhận lời khai của Bà T2. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của ông P3 tại phiên tòa:* thống nhất chia theo pháp luật di sản thừa kế, yêu cầu nhận giá trị đất trồng lúa như yêu cầu của ông H. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của bà T3, bà T4, bà L, ông T5 và ông Đ tại phiên tòa:* bà T3 là vợ của ông P, bà T4 là vợ của ông T, ông Đ là chồng của Bà T2 và vợ chồng bà L, ông T5 là anh em chú bác ruột với ông H. Ngoài ra, không ai có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 612, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét:

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H về chia thừa kế quyền sử dụng diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm theo giấy chứng nhận số 00650/dB ngày 14/5/2003 cấp cho cụ Thâm, cụ Thuần.

Chấp nhận phần khởi kiện của ông Nguyễn Quang H; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T2;

Xác định di sản do cụ Nguyễn Quang Thâm, cụ Nguyễn Thị Thuần là quyền sử dụng diện tích 7.696m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 8226,8m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận số 00874/gB ngày 25/02/1994 cấp cho cụ Thuần.

Ông P được quản lý, sử dụng diện tích 7.696m<sup>2</sup> đất trồng lúa (đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận số 00874/gB ngày 25/02/1994 cấp cho cụ Nguyễn Thị Thuần nổi các mốc điểm 38, 28, 27, 48, 25, 45, 26, 3, 2, 47 của Bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 03/3/2025 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất An Giang đo vẽ); ông P có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ông P có trách nhiệm hoàn kỷ phần được hưởng cho ông T số tiền 157.680.000 đồng, ông H số tiền 157.680.000 đồng, Ông S số tiền 157.680.000 đồng, Bà T2 số tiền 157.680.000 đồng và ông P3 số tiền 157.680.000 đồng;

Không chấp nhận yêu cầu của Bà T2 về yêu cầu chia cho Bà T2 phần thừa kế diện tích 2.707,4m<sup>2</sup> đất lúa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông H có đơn khởi kiện về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Thâm, cụ Thuần. Ông P có nơi cư trú xã Chợ Mới (thị trấn Chợ Mới cũ), tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới; Tại phiên tòa, ông H, ông P, ông T, Ông S, Bà T2, ông P3, bà T3, bà T4, ông Đ, bà L, ông T5 đều có mặt; các chị Hoàng N, Kiều N2, Vân N3 và anh P2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, ông H có các yêu cầu chia theo pháp luật quyền sử dụng diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm, tọa lạc thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là xã Chợ Mới, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận số 00650/dB ngày 14/5/2003 cấp cho cụ Thâm, cụ Thuần. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H rút lại phần khởi kiện, yêu cầu chia theo pháp luật quyền sử dụng diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm và tự các anh em thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết phần diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm; Các đương sự có quyền thỏa thuận, nếu

có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật; Ngoài ra, tại phiên tòa các đương sự không yêu cầu gì khác.

[3] Thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần

Theo lời khai của các đương sự và giấy trích lục khai tử số 124/TLKT-BS ngày 22/3/2024, số 126/TLKT-BS ngày 22/3/2024 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Mới cấp thì cụ Thâm đã chết ngày 24/4/2012, cụ Thuần đã chết ngày 08/9/2017. Đồng thời, các đương sự đều thống nhất cụ Thâm, cụ Thuần có 06 người con như ông H trình bày. Theo quy định tại Điều 611, 614, Điều 651 Bộ luật Dân sự, Tòa án xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Thâm vào ngày 24/4/2012, cụ Thuần vào ngày 08/9/2017 và hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Thâm, cụ Thuần gồm: ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Quang S, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Hữu P3 và ông Nguyễn Văn P.

[4] Về di sản của cụ Thâm, cụ Thuần và hiện trạng sử dụng

Theo lời khai của các đương sự thống nhất tài sản đang tranh chấp quyền sử dụng chung của cụ Thâm, cụ Thuần, gồm: diện tích đo đạc thực tế là 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/12/2024, ngày 21/3/2025, Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp lập ngày 27/5/2025 của Công ty đo đạc nhà đất An Giang xác định: *“đất trồng lúa tranh chấp có diện tích 8.226,8m<sup>2</sup>, trên đất do ông P quản lý trồng lúa thuộc thửa 81, 92 tờ 73 theo giấy chứng nhận số 00874QSĐĐ/gB ngày 25/02/1994 cấp cho cụ Thuần”*.

[5] Ông H cho rằng, trước khi cụ Thâm, cụ Thuần chết không có lập di chúc nên ông H yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang. Các ông: P, T, S, P3 đều thống nhất theo yêu cầu của ông H. Trong khi đó, Bà T2 cho rằng khi cụ Thâm, cụ Thuần còn sống có cho Bà T2 khoảng 03 công đất trồng lúa trong diện tích đất đang được ông P quản lý.

[6] Theo bản photo biên bản họp gia đình ngày 18/02/2021, văn bản xác nhận cho đất đai ngày 28/6/2025 do Bà T2 giao nộp và theo lời khai của Bà T2 thì thấy Bà T2 cho rằng đã được cụ Thâm, cụ Thuần cho Bà T2 bằng miệng 03 công đất lúa, lúc lại xác định chỉ cụ Thuần cho 03 công đất lúa. Tuy nhiên, Bà T2 không chứng minh được có việc cụ Thâm, cụ Thuần tặng cho hay chia đất cho Bà T2 03 công. Mặt khác, Bà T2 căn cứ vào biên bản họp gia đình, xác định có sự thống nhất của những người thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần gồm: ông T, Ông S, Bà T2, ông P3, ông P đều ký tên xác nhận cho Bà T2 được hưởng 03 công đất ruộng trong “phần diện tích 7 công 7 ở bên ngoài”.

[7] Tại phiên tòa, các ông: H, S, T không thống nhất theo nội dung như Bà T2 trình bày nên việc Bà T2 căn cứ vào biên bản phân chia đất sau khi cụ Thâm, cụ Thuần chết về yêu cầu được chia 03 công đất trồng lúa mà không có sự thống nhất ý chí của tất cả các thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần thì xem như việc thỏa thuận phân chia đất không hợp pháp. Ngoài ra, Bà T2 chưa được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúa nên di sản vẫn còn là của cụ Thâm, cụ Thuần. Như vậy, theo lời khai của các đương sự đều thống nhất, khi còn sống cụ Thâm, cụ Thuần không có lập di chúc, ông H yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất trồng lúa của cụ Thâm, cụ Thuần theo pháp luật là có căn cứ.

[8] Chia di sản của cụ Thâm, cụ Thuần

Tại biên bản định giá ngày 19/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản xác định: "...đất lúa có giá thị trường 115.000 đồng/m<sup>2</sup>...". Tổng tài sản của cụ Thâm, cụ Thuần về diện tích 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa có giá trị: 946.082.000 đồng. Theo lời khai của các đương sự và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy, mặc dù các giấy chứng nhận đất lúa cấp cho cụ Thâm đứng tên quyền sử dụng diện tích 7.696m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup>) nhưng cụ Thâm, cụ Thuần là vợ chồng hợp pháp nên phần diện tích đất lúa thuộc quyền sử dụng chung hợp nhất của 02 cụ. Theo quy định Điều 650 Bộ luật Dân sự, Tòa án chia phần đất lúa là di sản của cụ Thâm, cụ Thuần làm 6 suất thừa kế theo pháp luật, cho ông H, ông P, ông T, Ông S, ông P3 và Bà T2 được nhận hưởng phần bằng nhau, mỗi người được nhận 01 suất diện tích 1.371,13m<sup>2</sup> đất lúa (có giá trị 157.679.950 đồng);

[9] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất phần diện tích 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa do ông P trực tiếp trồng lúa từ nhiều năm nay; Các ông, bà: H, S, T, P3 và T2 đều yêu cầu nhận giá trị suất thừa kế theo pháp luật và thống nhất giao cho ông P nhận toàn bộ hiện vật phần đất lúa. Như vậy, Tòa án chia cho ông P nhận hưởng quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa. Đồng thời, ông P phải trả giá trị di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần cho từng người nhận hưởng suất diện tích 1.371,13m<sup>2</sup> đất lúa, gồm: các ông, bà: H số tiền 157.679.950 đồng, T số tiền 157.679.950 đồng, T2 số tiền 157.679.950 đồng, P3 số tiền 157.679.950 đồng, S số tiền 157.679.950 đồng.

[10] Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm: ông H khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ và các đương sự được chia phần di sản đất trồng lúa của cụ Thâm, cụ Thuần nên cùng phải chịu các chi phí tố tụng theo quy định Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bên cạnh đó, những người nhận hưởng di sản thừa kế của cụ Thâm, cụ Thuần phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, ông H, ông T, Ông S được miễn án phí do người cao tuổi, ông P3 được miễn án phí do là người có công, thương binh và đều có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213, Điều 611, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản Điều 12, Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Quang H về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của cụ Thâm, cụ Thuần quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa, tọa lạc xã L, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 00874/gB ngày 25/02/1994 cấp cho cụ Thuần.

Xác định di sản của cụ Thâm, cụ Thuần là quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 8.226,8m<sup>2</sup> đất trồng lúa.

2. Chia cho ông Nguyễn Văn P được hưởng quyền sử dụng diện tích 8.226,8m<sup>2</sup> đất lúa tại các điểm 38, 28, 27, 48, 25, 45, 26, 3, 2, 47;

Đương sự có quyền, nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai (có kèm theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp lập ngày 05/3/2025 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất An Giang).

3. Buộc ông P phải thanh toán cho: ông H được hưởng số tiền 157.679.950 đồng, ông T được hưởng số tiền 157.679.950 đồng, Ông S được hưởng số tiền 157.679.950 đồng, ông P3 được hưởng số tiền 157.679.950 đồng và Bà T2 được hưởng số tiền 157.679.950 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ xét xử phần khởi kiện của ông H về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng diện tích 1.557,4m<sup>2</sup> đất ở, cây lâu năm, tọa lạc xã Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm

Về chi phí tố tụng: ông H đã thanh toán chi phí 11.900.000 đồng. Các ông, bà: T, P, S, P3, T2, mỗi người phải trả lại cho ông H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc 1.983.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: các ông: H, T, S, P3 đều được miễn án phí; các ông, bà: Phiệt, Thúy, mỗi người phải chịu án phí 7.884.000 đồng.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tâm Nhân**